Dettaglio SA 9849.28.11

Codice SA	9849.28.11
Descrizione	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên: / - - - Trục cam và trục khuỷu dùng cho động cơ xe của Chương 87: / - - - - Loại khác: / - - - - - Cho xe có dung tích xi lanh không quá 2.000 cc
Unità	
Generato il	12/11/2026 02:29:30
Versione dei dati	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Stato della verifica	Dati tariffari verificati rispetto al file di origine; consigli/corrispondenze indicativi; ammissibilità ALS non verificata.
Link	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/98492811/

Imposte applicabili nel 2026

Regime tariffario	Valore di origine	Aliquota	Base giuridica	in vigore	Fonte
Dazio all'importazione ordinario	0	0%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19617
Preferenziale (NPF)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19617
IVA		Nessun dato			
Imposta speciale sui consumi		Nessun dato			
Imposta ambientale		Nessun dato			
Dazio all'esportazione		Nessun dato			
Aliquota all'esportazione CPTPP		Nessun dato			
Aliquota all'esportazione EVFTA		Nessun dato			
Aliquota all'esportazione UKVFTA		Nessun dato			

Aliquote preferenziali speciali (ALS) – 2026

FTA	Valore di origine	Aliquota	Base dei dati	Periodo	Prova dell'origine	Base giuridica	Stato

AANZFTA		Nessun dato	Nessun dato		AANZ	121/2022/NĐ-CP	Nessun dato
ACFTA		Nessun dato	Nessun dato		E	118/2022/NĐ-CP	Nessun dato
AHKFTA		Nessun dato	Nessun dato		AHK	123/2022/NĐ-CP	Nessun dato
AIFTA		Nessun dato	Nessun dato		AI	122/2022/NĐ-CP	Nessun dato
AJCEP		Nessun dato	Nessun dato		AJ	120/2022/NĐ-CP	Nessun dato
AKFTA		Nessun dato	Nessun dato		AK	119/2022/NĐ-CP	Nessun dato
ATIGA		Nessun dato	Nessun dato		D	126/2022/NĐ-CP	Nessun dato
CPTPP		Nessun dato	Nessun dato		CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Nessun dato
EVFTA		Nessun dato	Nessun dato		EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Nessun dato
RCEP (Allegato A)		Nessun dato	Nessun dato		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Nessun dato
RCEP (Allegato B)		Nessun dato	Nessun dato		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Nessun dato
RCEP (Allegato C)		Nessun dato	Nessun dato		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Nessun dato
RCEP (Allegato D)		Nessun dato	Nessun dato		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Nessun dato
RCEP (Allegato E)		Nessun dato	Nessun dato		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Nessun dato
RCEP (Allegato F)		Nessun dato	Nessun dato		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Nessun dato
UKVFTA		Nessun dato	Nessun dato		EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Nessun dato
VCFTA		Nessun dato	Nessun dato		VC	112/2022/NĐ-CP	Nessun dato
VJEPA		Nessun dato	Nessun dato		JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Nessun dato
VKFTA		Nessun dato	Nessun dato		VK	125/2022/NĐ-CP	Nessun dato
VN-CAM		Nessun dato	Nessun dato		S	56/2026/NĐ-CP	Nessun dato
VN-EAEU		Nessun dato	Nessun dato		EAV	113/2022/NĐ-CP	Nessun dato
VN-LAO		Nessun dato	Nessun dato		S	206/2025/NĐ-CP	Nessun dato
VNCU		Nessun dato	Nessun dato		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Nessun dato
VIFTA		Nessun dato	Nessun dato		Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Nessun dato

Storico delle aliquote / riduzione per anno

—

Consulenza e avvisi

Codice di rischio	Livello	Nome del rischio	Descrizione	Dati correlati	Riferimento normativo	Azione consigliata	Stato della verifica
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – similar lines exist	Subheading 9849.28 has 10 lines; 9849.28.11 is distinguished from its siblings by: Cho xe có dung tích xi lanh không quá 2.000 cc.	9849.28.12 Cho xe có dung tích xi lanh trên 2.000 cc đến 3.000 cc; 9849.28.13 Cho xe có dung tích xi lanh trên 3.000 cc; 9849.28.20 Dùng cho động cơ xe của Chương 87; 9849.28.30 Dùng cho động cơ xe của Chương 87; 9849.28.40 Dùng cho xe thuộc Chương 87; 9849.28.50 Bánh đà và ròng rọc, kể cả khối pu li	31/2022/TT-BTC	Verify the distinguishing features; consider an advance classification ruling if uncertain.	Non verificato – controllo necessario
OR-001	YELLOW	Country of origin not provided	FTA eligibility cannot be assessed without the country of origin.			Enter the country of origin to compare preferential schedules.	Non verificato – controllo necessario
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	The source file records no trade remedy for 9849.28.11. This does NOT mean there is no risk.			Check the MOIT Trade Remedies Authority database.	Non verificato – controllo necessario
DQ-001	GREEN	MFN rate present in the source	The MFN rate 0% for 9849.28.11 was checked against BT2026 (cell BT2026!N19617), basis 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Verification scope: matched against source file version 2026.04.05; not a substitute for the legal text.	Verificato rispetto al file tariffario di origine

Questo rapporto è a scopo informativo ed è generato dai dati tariffari di origine e dalle regole di consulenza. Non costituisce una decisione doganale e non conferma la classificazione SA, l'ammissibilità all'ALS né la validità giuridica. L'utente deve verificare rispetto alla normativa vigente.